

## CÁC BỘ

### BỘ TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ số 64/2003/TT-BTC ngày 01/7/2003 hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ về ban hành Danh mục hàng hóa và thuế suất của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về Ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN cho các năm 2003 - 2006.**

Thực hiện Nghị định thư về việc tham gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào Hiệp định về Chương trình Thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung (CEPT) để thực hiện Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) (sau đây được gọi là Hiệp định CEPT/AFTA), ký tại Băng Cốc ngày 15/12/1995;

Thi hành Nghị định số 78/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ về ban hành Danh mục hàng hóa và thuế suất của Việt Nam để thực hiện Hiệp định CEPT/AFTA cho các năm 2003 - 2006;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

#### I. PHẠM VI ÁP DỤNG

Hàng hóa nhập khẩu để được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi CEPT, quy định tại Điều 1 của Nghị định số 78/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ phải đáp ứng các điều kiện sau:

**1.** Nằm trong Danh mục hàng hóa và thuế suất của Việt Nam để thực hiện Hiệp định CEPT/AFTA cho các năm 2003 - 2006 ban hành kèm

theo Nghị định số 78/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ, đồng thời nằm trong Danh mục hàng hóa và thuế suất thực hiện Hiệp định CEPT/AFTA cho từng năm tương ứng của nước thành viên ASEAN mà từ đó mặt hàng nhập khẩu có xuất xứ.

**2.** Được nhập khẩu từ các nước thành viên ASEAN vào Việt Nam, bao gồm các nước sau:

- Bru-nây Đa-ru-sa-lam;
- Vương quốc Cam-pu-chia;
- Cộng hòa In-đô-nê-xi-a;
- Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;
- Ma-lay-xi-a;
- Liên bang My-an-ma;
- Cộng hòa Phi-lip-pin;
- Cộng hòa Sin-ga-po; và
- Vương quốc Thái Lan.

**3.** Thỏa mãn yêu cầu xuất xứ ASEAN, được xác nhận bằng Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN - Mẫu D (quy định tại Phần III của Thông tư này).

**4.** Vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu là thành viên của ASEAN đến Việt Nam được quy định tại Quyết định số 416/TM-ĐB ngày 13/5/1996 của Bộ Thương mại.

#### II. THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ÁP DỤNG

**1.** Mức thuế suất thuế nhập khẩu áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu thuộc diện hưởng thuế suất ưu đãi CEPT theo quy định tại Phần I của Thông tư này là thuế suất CEPT cho từng năm, kể từ năm 2003, và được áp dụng tự động bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 của các năm tiếp theo tương ứng với cột thuế suất CEPT cho từng năm đó, được quy định tại Danh mục hàng hóa và thuế suất của Việt Nam để thực hiện Hiệp định CEPT/AFTA, ban hành kèm theo Nghị định số 78/2003/NĐ-CP

ngày 01/7/2003 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là mức thuế suất ưu đãi CEPT).

2. Trường hợp mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (thuế suất MFN) của một mặt hàng quy định trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành được điều chỉnh thấp hơn so với mức thuế suất ưu đãi CEPT thì mức thuế suất thuế nhập khẩu áp dụng cho mặt hàng này sẽ là mức thuế suất MFN.

Khi mức thuế suất MFN quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi của mặt hàng này được điều chỉnh cao hơn mức thuế suất ưu đãi CEPT thì mức thuế suất thuế nhập khẩu áp dụng sẽ là mức thuế suất ưu đãi CEPT.

3. Trường hợp hàng hóa do doanh nghiệp nhập khẩu để sản xuất, lắp ráp sản phẩm cơ khí - điện - điện tử vừa đủ điều kiện để áp dụng mức thuế suất ưu đãi CEPT, vừa đủ điều kiện áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu theo tỷ lệ nội địa hóa theo các quy định hiện hành thì doanh nghiệp sẽ được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu thấp hơn trong hai mức thuế suất trên.

Doanh nghiệp nhập khẩu khi áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu theo tỷ lệ nội địa hóa thì không được áp dụng mức thuế suất CEPT hoặc ngược lại.

4. Trường hợp có thay đổi đối với những mặt hàng trong các văn bản pháp lý của các nước ASEAN ban hành để thực hiện Hiệp định CEPT/AFTA làm ảnh hưởng đến quyền được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam quy định tại Phần I, Bộ Tài chính sẽ có hướng dẫn phù hợp với từng trường hợp cụ thể.

### III. GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ VÀ KIỂM TRA GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

1. Các quy tắc để hàng hóa được công nhận là có xuất xứ từ các nước ASEAN được quy định tại

Quy chế xuất xứ dùng cho Hiệp định CEPT/AFTA (Phụ lục 1, 3 và 5) của Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN của Việt Nam, ban hành kèm theo Quyết định số 416/TM-ĐB ngày 13/5/1996, Quyết định số 878/1998/QĐ-BTM ngày 30/7/1998, Quyết định số 1000/1998/QĐ-BTM ngày 03/9/1998, Quyết định số 34/2000/QĐ-BTM ngày 10/01/2000, Quyết định số 492/2000/QĐ-BTM ngày 20/3/2000, Quyết định số 1448/2001/QĐ-BTM ngày 25/12/2001, Quyết định số 478/2002/QĐ-BTM ngày 26/4/2002, Quyết định số 1062/2002/QĐ-BTM ngày 04/9/2002, Quyết định số 1382/2002/QĐ-BTM ngày 06/11/2002 và Quyết định số 468/2003/QĐ-BTM ngày 23/4/2003 của Bộ Thương mại.

2. Giấy chứng nhận xuất xứ phải có chữ ký và con dấu phù hợp với mẫu chữ ký và con dấu chính thức do các Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hàng hóa ASEAN - Mẫu D của các nước thành viên ASEAN sau đây cấp:

- Tại Bru-nây Đa-ru-sa-lam là Bộ Công nghiệp và Tài nguyên;

- Tại Vương quốc Cam-pu-chia là Bộ Thương mại;

- Tại Cộng hòa In-đô-nê-xi-a là Bộ Thương mại và Công nghiệp;

- Tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào là Bộ Thương mại;

- Tại Ma-lay-xi-a là Bộ Ngoại thương và Công nghiệp;

- Tại Liên bang My-an-ma là Bộ Thương mại;

- Tại Cộng hòa Phi-líp-pin là Bộ Tài chính;

- Tại Cộng hòa Sin-ga-po là cơ quan Hải quan;

- Tại Vương quốc Thái Lan là Bộ Thương mại; và

- Tại Việt Nam là Bộ Thương mại và các Ban quản lý Khu công nghiệp - Khu chế xuất được Bộ Thương mại ủy quyền.

3. Trong trường hợp có sự nghi ngờ về tính trung thực và chính xác của giấy chứng nhận

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-3845 6684  
963795  
LawSoft

xuất xứ hàng hóa ASEAN - Mẫu D thì cơ quan Hải quan có quyền:

- Yêu cầu kiểm tra lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN - Mẫu D. Cơ quan Hải quan sẽ gửi yêu cầu tới cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ này của nước xuất khẩu để đề nghị xác nhận.

- Đình chỉ việc áp dụng mức thuế suất ưu đãi CEPT và tạm thu theo mức thuế suất của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hoặc thông thường hiện hành.

- Yêu cầu người nhập khẩu cung cấp thêm tài liệu (nếu có) để chứng minh hàng hóa thực sự có xuất xứ từ các nước ASEAN trong thời hạn chậm nhất không quá 01 (một) năm.

- Trong thời gian chờ kết quả kiểm tra lại, vẫn tiếp tục thực hiện các thủ tục để giải phóng hàng theo các quy định nhập khẩu thông thường.

- Khi có đủ tài liệu chứng minh đúng là hàng có xuất xứ từ ASEAN, cơ quan Hải quan có trách nhiệm tiến hành các thủ tục thoả trả lại cho người nhập khẩu khoản chênh lệch giữa số tiền thuế tạm thu theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hoặc thông thường hiện hành và số tiền thuế tính theo mức thuế suất ưu đãi CEPT.

#### IV. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Trường hợp hóa đơn thương mại do bên thứ ba không phải là nhà xuất khẩu phát hành thì hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam vẫn được áp dụng thuế suất ưu đãi CEPT nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Thông tư này.

Các quy định về căn cứ tính thuế, chế độ thu nộp thuế, chế độ miễn, giảm thuế, chế độ hoàn thuế, xử lý vi phạm và các quy định khác thực hiện theo các quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

#### V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo; thay thế cho Thông tư số 47/2002/TT-BTC ngày 28/5/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 21/2002/NĐ-CP ngày 28/02/2002 và Nghị định sửa đổi, bổ sung số 53/2002/NĐ-CP ngày 13/5/2003 của Chính phủ ban hành Danh mục hàng hóa và thuế suất của Việt Nam để thực hiện Hiệp định CEPT/AFTA cho năm 2002 và áp dụng cho các Tờ khai hàng nhập khẩu đã nộp cho cơ quan Hải quan từ ngày 01 tháng 7 năm 2003.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính có hướng dẫn bổ sung cho phù hợp./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thủ trưởng*

LÊ THỊ BĂNG TÂM

**THÔNG TƯ số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*